



## Bài báo nghiên cứu

# THỰC TRẠNG NHU CẦU SỬ DỤNG CẨM NANG KỸ NĂNG XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Nguyễn Thị Ngọc Cẩm\**, *Nguyễn Anh Tuấn*, *Trịnh Thị Nhung*,  
*Phạm Lê Ngọc Trân*, *Nguyễn Thị Trúc Quỳnh*

*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*\*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Ngọc Cẩm – Email: [camntn@hcmue.edu.vn](mailto:camntn@hcmue.edu.vn)*

*Ngày nhận bài: 11-8-2022; ngày nhận bài sửa: 13-10-2022; ngày duyệt đăng: 16-01-2023*

## TÓM TẮT

Kỹ năng xã hội rất cần thiết đối với sinh viên (SV) không chỉ trong học tập mà còn trong cuộc sống. Hiện nay có nhiều hình thức, công cụ hỗ trợ cho SV rèn luyện kỹ năng xã hội như video, tờ rơi, cẩm nang... Bài viết này tìm hiểu thực trạng nhu cầu sử dụng cẩm nang kỹ năng xã hội của SV. Có ba nhóm kỹ năng được chọn để hướng dẫn cho SV thực hành, đó là: 1) nhận thức xã hội, 2) ứng xử và giao tiếp xã hội, 3) thích ứng xã hội. Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng trong bài viết này với sự tham gia của 406 SV. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự quan trọng của kỹ năng xã hội ở các mảng hoạt động, SV quan tâm đến ba nhóm kỹ năng xã hội, sự mong đợi của SV về hình thức và cấu trúc của cuốn cẩm nang.

**Từ khóa:** cẩm nang; kỹ năng xã hội; sinh viên

## 1. Đặt vấn đề

Kỹ năng xã hội được nhiều nhà khoa học nghiên cứu và đưa ra các khái niệm khác nhau. Chẳng hạn, kỹ năng xã hội là các kỹ năng nội bộ và được thực hiện giữa các cá nhân như giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng hợp tác (Ritter et al, 2017). Hay kỹ năng xã hội là những mẫu ứng xử học và được chấp nhận về mặt xã hội, giúp cá nhân có thể quyết định hành động và ứng xử một cách có hiệu quả, giúp nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh, tránh được những hậu quả tiêu cực về mặt xã hội (Huynh, 2011). Các nhà khoa học cũng định nghĩa kỹ năng xã hội ở các góc độ như đặc điểm, chức năng hoặc ở hành vi (Pachauri & Yadav, 2014; Gresham, 1998; Kinnaman & Bellack, 2012; Caballo, 2002; Was & Warneken, 2017). Kỹ năng xã hội được chia làm ba nhóm: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác và kỹ năng thương lượng (Nguyen, Nguyen & Bui, 2021). Tuy nhiên, kỹ năng xã hội dưới lăng kính giáo dục chưa có nhiều công trình khoa học nổi bật. Do đó, kỹ năng xã hội cần

---

*Cite this article as:* Nguyen Thi Ngoc Cam, Nguyen Anh Tuan, Trinh Thi Nhung, Pham Le Ngoc Tran, & Nguyen Thi Truc Quynh (2023). The demand to use the social skills handbook by students of Ho Chi Minh City University of Education. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(2), 278-288.

được tiếp tục nghiên cứu để nhận diện và mô tả một cách cụ thể (Dang & Tran, 2014).

Dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội của thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng (Tran, 2020). Để việc học tập, giáo dục học sinh không bị gián đoạn, hình thức học tập trực tuyến đã đưa vào áp dụng. Tuy nhiên, việc tham gia các hoạt động tập thể, rèn luyện kỹ năng, tương tác trực tiếp bị hạn chế (Nguyen, 2021). Do đó, để hỗ trợ người học trong việc rèn luyện các kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng xã hội, cần đa dạng các hình thức, trong đó có hình thức trực tuyến (các chương trình/hoạt động trực tuyến; tăng cường sách, tài liệu điện tử). Cẩm nang điện tử (ebook) là một trong những hình thức hiệu quả, hỗ trợ tích cực cho người đọc. Sản phẩm dễ sử dụng nhưng lại mang lại cho người đọc nhiều kiến thức, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của người đọc (Phung & Ngo, 2010). Bài viết này tìm hiểu nhu cầu sử dụng cẩm nang kỹ năng xã hội điện tử của SV Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Thiết kế nghiên cứu**

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu lí luận, phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, phương pháp thống kê toán học. Để đánh giá thực trạng về tầm quan trọng của kỹ năng xã hội và nhu cầu sử dụng Cẩm nang kỹ năng xã hội của SV Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, nhóm nghiên cứu đã xây dựng phiếu khảo sát gồm: 1) Tầm quan trọng của kỹ năng xã hội đối với SV Trường; 2) Mức độ quan tâm của SV Trường đến kỹ năng xã hội; 3) Nhu cầu sử dụng cẩm nang kỹ năng xã hội cho SV Trường. Phiếu khảo sát có 85 biến.

#### *2.1.1. Khái quát về tổ chức khảo sát*

Tổng số SV trong năm học 2021-2022 của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh là 16.073 SV.

Dựa trên công thức xác định kích thước mẫu (Slovin-1960):

*Trong đó:*

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2}$$

n là kích thước mẫu cần xác định

N là quy mô tổng thể

e là sai số cho phép

Nhóm nghiên cứu xác định được mẫu cần thực hiện khảo sát là 390 SV. Vì lí do dịch bệnh, nhóm nghiên cứu đã sử dụng Google Form để xây dựng bảng câu hỏi và gửi đường dẫn cho các đối tượng thuộc nhóm khảo sát. Tuy nhiên, sau quá trình thực hiện khảo sát bằng hình thức bảng hỏi điện tử, tổng số phiếu thu được là 406 cao hơn dự kiến ban đầu. Trong đó, phân bố số lượng và thành phần khảo sát như sau: Về giới tính có 20,7% SV nam và 79,3% SV nữ; về khối lớp có 47,5% SV năm thứ nhất, 15,0% SV năm thứ hai, 22,9% SV năm thứ ba và 13,8% SV năm thứ tư. Về hệ khối ngành đào tạo, có 42,6% SV các ngành ngoài sư phạm và 57,4% SV các ngành sư phạm.

2.1.2. Xử lý dữ liệu

Kết quả khảo sát được tính toán và xử lý bằng toán thống kê. Số liệu thu được sau khảo sát được xử lý trong phần mềm Microsoft Office 365 (Excel) kết hợp trong môi trường Window. Các phép toán thống kê được sử dụng trong nghiên cứu này là phân tích thống kê mô tả và thống kê suy luận. Thang đo sử dụng chủ yếu trong phiếu khảo sát là thang đo định danh để xác định tên gọi, giới tính và một số đặc điểm của đối tượng khảo sát; thang đo thứ bậc và thang đo khoảng cách để tính các tham số trong thống kê mô tả như trị điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC), tỉ lệ phần trăm. Để thuận tiện cho việc đánh giá, phân tích số liệu hợp lý và khoa học, các thông tin thu thập được từ phiếu khảo sát thực trạng, nhóm tác giả sử dụng quy ước dựa vào giá trị trung bình trong thang đo Likert với 5 mức giá trị khoảng cách (Malhotra & Birks, 2007). Từ đó, nhóm nghiên cứu đã xác định được các mức thang đo dùng nghiên cứu như Bảng 1 sau đây:

$$\frac{Max - Min}{5} = \frac{5 - 1}{5} = 0,8$$

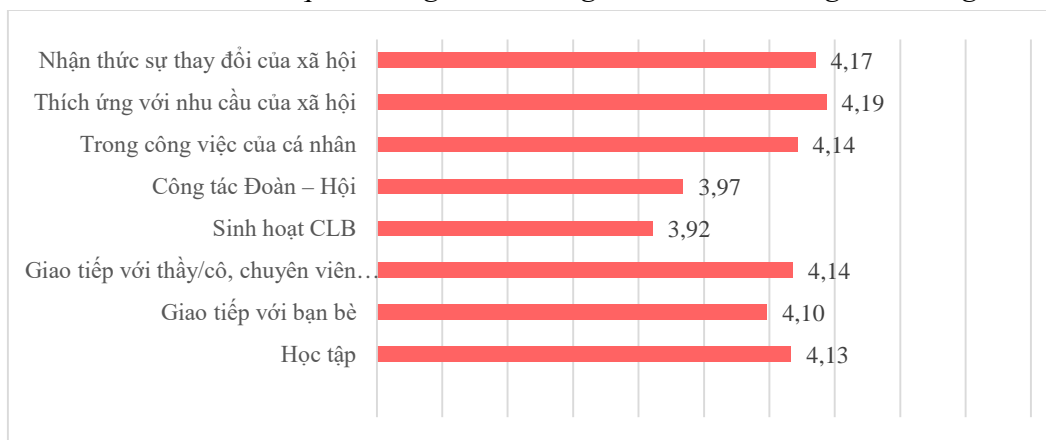
**Bảng 1.** Bảng quy ước các mức thang đo dùng trong nghiên cứu

Mức	Tầm quan trọng	Mức độ quan tâm
1-1,80	Rất không quan trọng	Không quan tâm
1,81-2,60	Không quan trọng	Ít quan tâm
2,61-3,40	Có cũng được không có cũng được	Trung bình
3,41-4,20	Quan trọng	Quan tâm
4,21-5,00	Rất quan trọng	Rất quan tâm

2.2. Kết quả nghiên cứu và bình luận

2.2.1. Tầm quan trọng của kỹ năng xã hội ở các mảng hoạt động (xem Biểu đồ 1)

**Biểu đồ 1.** Tầm quan trọng của kỹ năng xã hội ở các mảng hoạt động



Biểu đồ 1 và Bảng 1 cho thấy SV tham gia khảo sát đều đánh giá kỹ năng xã hội có tầm quan trọng đối với các mảng hoạt động mà nhóm nghiên cứu đã xác định. Trong đó,

hoạt động “Thích ứng với nhu cầu xã hội” được 87,9% SV tham gia khảo sát nhận định là quan trọng và xếp hạng nhất (ĐTB: 4,19; ĐLC: 1,04), còn hoạt động “Sinh hoạt Câu lạc bộ (CLB)” được xếp hạng cuối cùng trong tám mảng hoạt động (ĐTB: 3,92; ĐLC: 0,99).

Dựa vào kết quả phân tích các mảng hoạt động, SV đã thấy được tầm quan trọng của kỹ năng xã hội trong đời sống hằng ngày của bản thân. Tuy nhiên, ở hai mảng hoạt động “Công tác Đoàn - Hội” và “Sinh hoạt CLB”, SV đánh giá tầm quan trọng của kỹ năng thấp hơn những các hoạt động khác. Điều này có thể do trong công tác Đoàn - Hội và sinh hoạt CLB còn chưa chú trọng việc xây dựng các hoạt động rèn luyện kỹ năng xã hội cho SV, vì vậy, Nhà trường và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội trong Trường cần đa dạng hóa việc tổ chức chương trình, hoạt động chia sẻ về kỹ năng xã hội cho SV.

2.2.2. *Mức độ quan tâm về các nhóm kỹ năng (xem Bảng 2)*

Trong nghiên cứu này, kỹ năng xã hội được xác định gồm ba nhóm kỹ năng: nhóm kỹ năng nhận thức xã hội; nhóm kỹ năng ứng xử và giao tiếp, nhóm kỹ năng thích ứng xã hội. Đối chiếu với Bảng 1, mỗi nhóm kỹ năng đều được SV đánh giá ở mức quan tâm và sắp xếp theo thứ tự tăng dần là nhóm kỹ năng thích ứng xã hội (ĐTB: 4,13; ĐLC: 0,66), nhóm kỹ năng nhận thức xã hội (ĐTB: 4,17; ĐLC: 0,73), nhóm kỹ năng ứng xử và giao tiếp xã hội (ĐTB: 4,28; ĐLC: 0,74).

**Bảng 2.** *Mức độ SV quan tâm đến các kỹ năng xã hội*

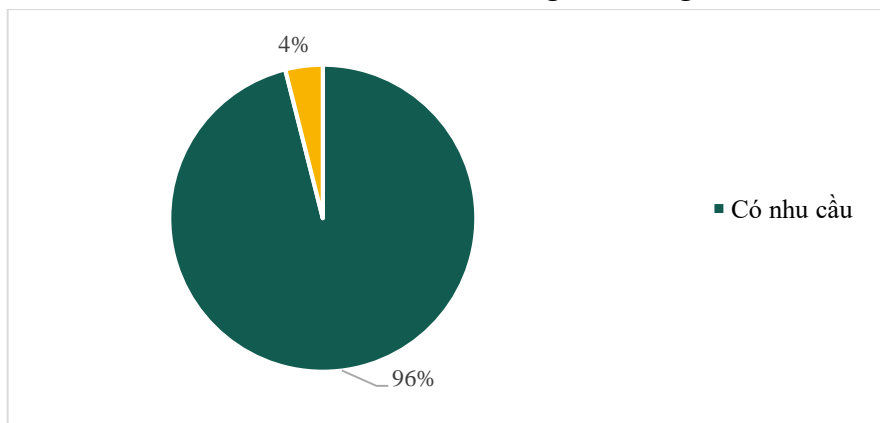
Nhóm kỹ năng	ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
<b>Nhóm kỹ năng nhận thức xã hội</b>			
Kỹ năng quan sát hiện tượng xã hội	3,96	0,79	4
Kỹ năng vận dụng tri thức vào đời sống	4,14	0,75	3
Kỹ năng đánh giá hiện tượng xã hội	4,17	0,74	2
Kỹ năng giải quyết vấn đề trong nhận thức xã hội	4,41	0,65	1
<b>Nhóm kỹ năng ứng xử và giao tiếp xã hội</b>			
Kỹ năng bày tỏ quan điểm bằng lời nói cử chỉ	4,29	0,62	3
Kỹ năng bày tỏ xúc cảm	4,23	0,67	4
Kỹ năng định hướng hành vi giao tiếp	4,21	0,70	5
Kỹ năng xử lý các quan hệ xã hội	4,32	0,66	2
Kỹ năng giải quyết vấn đề	4,36	0,66	1
<b>Nhóm kỹ năng thích ứng xã hội</b>			
Kỹ năng thích ứng với môi trường công việc hay nghề nghiệp mới	4,02	0,79	5
Kỹ năng điều chỉnh cuộc sống khi hoàn cảnh xã hội thay đổi	4,15	0,72	2
Kỹ năng tổ chức hoạt động xã hội	4,08	0,75	4
Kỹ năng thay đổi hay cải tạo những điều kiện trong đời sống xã hội	4,10	0,74	3
Kỹ năng giải quyết vấn đề trong quá trình thích ứng xã hội	4,31	0,69	1

Bảng 2 cho thấy các nhóm kỹ năng đều được SV đánh giá ở mức quan tâm (ĐTB: 3,96-4,41). Đặc biệt, nhóm kỹ năng ứng xử và giao tiếp xã hội được các SV đánh giá ở mức cao

nhất. Với mức độ quan tâm như trên, nhóm nghiên cứu đã sử dụng toàn bộ những kỹ năng để tiến hành xây dựng cảm nang để SV có thể tham khảo, học tập, thực hành, rèn luyện các kỹ năng mà nhóm nghiên cứu đề cập.

2.2.3. Nhu cầu sử dụng cảm nang (xem Biểu đồ 2)

**Biểu đồ 2.** Nhu cầu sử dụng cảm nang

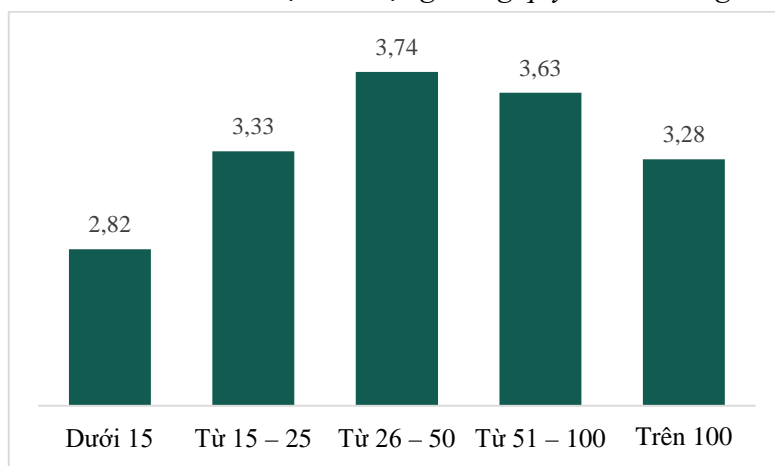


Ở Biểu đồ 2, đa số SV (390 SV; 96,1%) cho rằng mình có nhu cầu sử dụng cảm nang. Điều này cho thấy cảm nang kỹ năng xã hội đối với SV là rất quan trọng và SV muốn có một quyển cảm nang để rèn luyện kỹ năng xã hội. Tuy nhiên vẫn có 16 (3,9%) ý kiến cho rằng việc có quyển cảm nang rèn luyện kỹ năng xã hội là không cần thiết.

2.2.4. Các mong đợi về cảm nang

- Giới hạn số lượng trang cho quyển cảm nang sẽ mang lại hiệu quả cho việc rèn luyện của bản thân (xem Biểu đồ 3)

**Biểu đồ 3.** Giới hạn số lượng trang quyển cảm nang

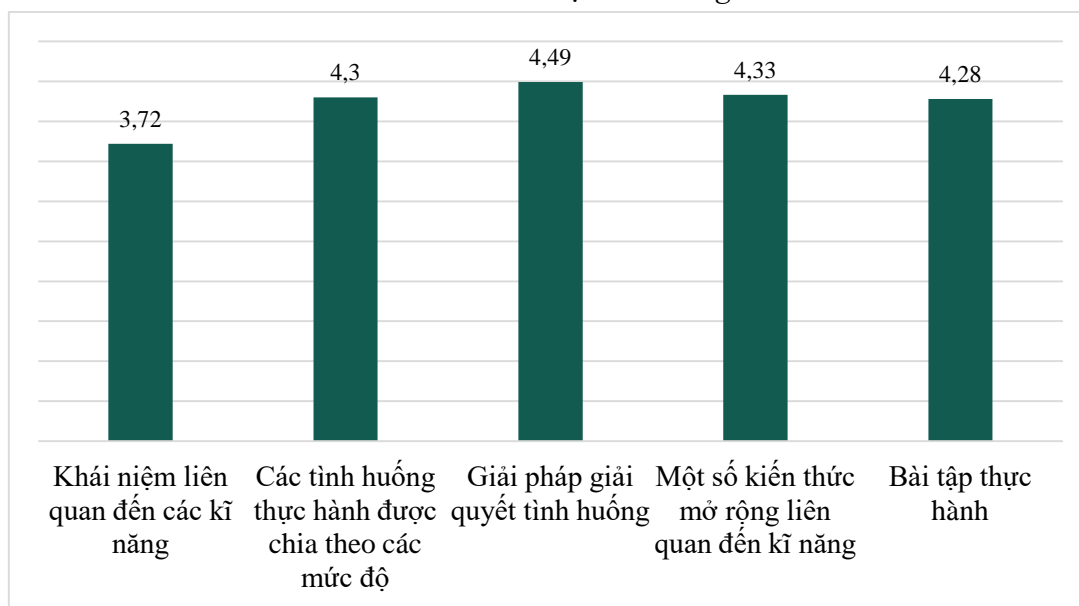


Đối chiếu kết quả ở Biểu đồ 3 và Bảng 1, có thể thấy, giới hạn số lượng trang từ 26-50 cho quyển cảm nang được SV đánh giá sẽ mang lại hiệu quả trong việc rèn luyện kỹ năng xã hội của bản thân với ĐTB: 3,74 và ĐLC: 0,97. Kết quả này cho thấy việc xây dựng cảm nang cũng cần chú ý số lượng trang, chỉ từ 26 đến 50 trang, nếu nhiều hơn 50 trang có thể gây nhàm chán cho người đọc.

• *Bố cục (xem Biểu đồ 4)*

Kết quả khảo sát 406 SV cho thấy kết quả về “Giải pháp giải quyết tình huống” có 215 SV chọn mức độ rất cần thiết. Đây là nội dung mà SV mong muốn được đề cập ở cẩm nang có mức độ cao nhất (ĐTB: 4,49; ĐLC: 0,601). SV cho rằng việc đưa các giải pháp giải quyết tình huống vào cẩm nang là rất cần thiết.

**Biểu đồ 4. Bố cục cẩm nang**



Bên cạnh đó, nội dung “Khái niệm liên quan đến các kỹ năng” (ĐTB: 3,72; ĐLC: 0,93) được SV đánh giá ở mức cần thiết và xếp vị trí thứ năm trong các nội dung được khảo sát. Với các nội dung như “Một số kiến thức mở rộng liên quan đến kỹ năng” (ĐTB: 4,33; ĐLC: 0,69), “Các tình huống thực hành được chia theo các mức độ” (ĐTB: 4,30; ĐLC: 0,656) và “Bài tập tự thực hành” (ĐTB: 4,28; ĐLC: 0,77) đều thuộc mức rất cần thiết và xếp hạng lần lượt là 2, 3, 4 trên các nội dung được đưa ra. Qua đó, các nội dung đưa ra khảo sát đều được SV đánh giá ở mức độ cần thiết và rất cần thiết để đưa vào cuốn cẩm nang. Trong đó nội dung “Giải pháp giải quyết tình huống”, “Một số kiến thức mở rộng liên quan đến kỹ năng” và “Bài tập tự thực hành” được SV đánh giá ở mức rất cần thiết. Vì vậy, trong quá trình xây dựng cẩm nang, nhóm nghiên cứu chú trọng đưa những nội dung này vào và hạn chế đưa các khái niệm liên quan đến các kỹ năng.

**2.3. Đánh giá của SV về các tiêu chí xây dựng cẩm nang (xem Bảng 3)**

Để xây dựng cuốn cẩm nang, nhóm nghiên cứu đã xây dựng các tiêu chí và khảo sát ý kiến của SV. Cụ thể:

Về phần nội dung gồm năm tiêu chí và kết quả cho thấy đều đồng ý với các đề xuất. Trong đó, tiêu chí “Từ ngữ trong nội dung cô đọng và gần gũi, thân thiện với tất cả mọi người” (ĐTB: 4,22; ĐLC: 0,73) và tiêu chí “Thống nhất giữa lí luận và thực tiễn trong giáo dục” (ĐTB: 4,22; ĐLC: 0,79) xếp hạng cao nhất. Tiêu chí “Dễ dàng tra cứu và sử dụng” (ĐTB: 4,17; ĐLC: 0,74) và tiêu chí “Kiến thức của nội dung phải dựa trên kiến thức chuẩn”

(ĐTB: 4,17; ĐLC: 0,76) xếp hạng ba. Tiêu chí cuối cùng là “Bảo đảm tính dân tộc, hiện đại, khoa học, sư phạm và phù hợp với thực tiễn” (ĐTB: 4,12; ĐLC: 0,80) xếp hạng năm.

Phần hình ảnh gồm ba tiêu chí, trong đó tiêu chí “Hình ảnh minh họa bám sát nội dung kĩ năng” (ĐTB: 4,07; ĐLC: 0,82) được SV quan tâm đến nhiều nhất. Vì vậy, hình ảnh minh họa phải bám sát nội dung trong quá trình thiết kế sản phẩm. Tiêu chí “Hình ảnh sử dụng trong cẩm nang có phong cách tối giản (ít màu sắc, đơn giản, tinh tế)” xếp hạng hai (ĐTB: 3,86; ĐLC: 0,93). Tiêu chí “Hình ảnh minh họa là hình 2D” (ĐTB: 3,65; ĐLC: 0,88) xếp hạng ba.

**Bảng 3. Kết quả đánh giá việc lựa chọn sử dụng cẩm nang**

Các tiêu chí đánh giá	ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
<b>Nội dung</b>			
Dễ dàng tra cứu và sử dụng	4,17	0,74	3
Kiến thức của nội dung phải dựa trên kiến thức chuẩn	4,17	0,76	4
Bảo đảm tính dân tộc, hiện đại, khoa học, sư phạm và phù hợp với thực tiễn	4,12	0,80	5
Từ ngữ trong nội dung cô đọng và gần gũi, thân thiện với tất cả mọi người	4,22	0,73	1
Thống nhất giữa lí luận và thực tiễn trong giáo dục	4,22	0,79	2
<b>Hình ảnh</b>			
Hình ảnh minh họa bám sát nội dung kĩ năng	4,07	0,82	1
Hình ảnh minh họa là hình 2D	3,73	0,98	3
Hình ảnh sử dụng trong cẩm nang có phong cách tối giản (ít màu sắc, đơn giản, tinh tế)	3,86	0,93	2
<b>Kiểu chữ</b>			
Có sự khác biệt về giữa tiêu đề và nội dung	3,96	0,83	2
Sử dụng kiểu chữ gần gũi dễ đọc	4,08	0,81	1
Sử dụng cỡ chữ phù hợp	3,48	1,09	3

Về phần kiểu chữ, tiêu chí “Sử dụng kiểu chữ gần gũi dễ đọc” được mọi người đồng ý cao nhất (ĐTB: 4,08; ĐLC: 0,81). Tiêu chí “Có sự khác biệt về giữa tiêu đề và nội dung” (ĐTB: 3,96; ĐLC: 0,83) xếp thứ hai và tiêu chí “Kích thước chữ phù hợp” xếp hạng thứ ba, được đánh giá là đồng ý (ĐTB: 3,48; ĐLC: 1,09).

Từ kết quả trên, về nội dung, từ ngữ của cẩm nang phải cô đọng và gần gũi, thân thiện với tất cả mọi người, thống nhất giữa lí luận và thực tiễn trong giáo dục. Bên cạnh đó, cẩm nang phải dễ dàng tra cứu và nội dung kiến thức phải dựa trên kiến thức chuẩn cũng được đề cao. Về hình ảnh minh họa là hình 2D có màu sắc đơn giản không quá cầu kì bám sát vào nội dung của từng nội dung truyền tải trong cẩm nang. Cuối cùng, việc sử dụng kiểu chữ cũng ảnh hưởng đến quyển cẩm nang. Vì vậy, khi xây dựng cẩm nang cần chú ý sự khác biệt về tiêu đề nội dung, sử dụng kiểu chữ gần gũi dễ đọc, cỡ chữ phải phù hợp không làm cho người đọc bị nhức mắt.

Tóm lại, việc xây dựng một cẩm nang cho SV Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh thực sự cần thiết để đáp ứng nhu cầu của họ, nhằm mục đích hướng tới việc xây dựng một công cụ hỗ trợ trong quá trình rèn luyện kỹ năng xã hội cho SV. Đồng thời, góp phần thay đổi tích cực nhận thức, thái độ và hành vi về kỹ năng xã hội của SV.

#### 2.4. Mô tả cẩm nang

Từ thực trạng và kết quả nghiên cứu về kỹ năng xã hội của SV, nhóm nghiên cứu lựa chọn nội dung trình bày trong cẩm nang, đảm bảo cung cấp các thông tin đa dạng và đáp ứng nhu cầu của SV. Dựa vào kết quả khảo sát nhu cầu rèn luyện kỹ năng xã hội của SV, nội dung của cẩm nang giới hạn trong 3 vấn đề sau:

- Nhóm kỹ năng nhận thức xã hội:
  - + Kỹ năng quan sát hiện tượng xã hội;
  - + Kỹ năng áp dụng tri thức nhờ quan sát vào đời sống;
  - + Kỹ năng đánh giá hiện tượng xã hội;
  - + Kỹ năng giải quyết vấn đề trong nhận thức xã hội.
- Nhóm kỹ năng ứng xử và giao tiếp xã hội:
  - + Kỹ năng bày tỏ quan điểm bằng lời nói cử chỉ;
  - + Kỹ năng bày tỏ xúc cảm;
  - + Kỹ năng định hướng hành vi giao tiếp;
  - + Kỹ năng xử lý các quan hệ xã hội;
  - + Kỹ năng giải quyết vấn đề.
- Nhóm kỹ năng thích ứng xã hội:
  - + Kỹ năng thích ứng với môi trường công việc hay nghề nghiệp mới;
  - + Kỹ năng điều chỉnh cuộc sống khi hoàn cảnh xã hội thay đổi;
  - + Kỹ năng tổ chức hoạt động xã hội;
  - + Kỹ năng thay đổi hay cải tạo những điều kiện trong đời sống xã hội;
  - + Kỹ năng giải quyết vấn đề trong quá trình thích ứng xã hội.

Cấu trúc của mỗi kỹ năng trong cẩm nang gồm: Nhận biết, Khám phá, Rèn luyện.

Cẩm nang được thiết kế dưới dạng ebook. Để đọc cẩm nang, mọi người có thể thực hiện hai phương thức sau:

1. Truy cập tại đường dẫn: <https://bit.ly/cnknxh1>
2. Quét mã QR để sử dụng cẩm nang:







**Hình 1.** Hình ảnh cẩm nang xem từ máy tính (bên trái) và điện thoại (bên phải)

### 3. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu về lí luận và thực tiễn để xây dựng cẩm nang kỹ năng xã hội cho SV Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, có thể kết luận như sau:

- Kỹ năng xã hội có tầm quan trọng đối với các mảng hoạt động được đưa ra trong nghiên cứu.
- Ba nhóm kỹ năng: nhóm kỹ năng nhận thức xã hội; nhóm kỹ năng ứng xử và giao tiếp, nhóm kỹ năng thích ứng xã hội được xác lập dùng cho việc xây dựng nội dung của cẩm nang.
- Có 96% SV tham gia khảo sát có nhu cầu muốn sử dụng cẩm nang rèn luyện kỹ năng xã hội.
- Cẩm nang cần có số lượng trang phù hợp, màu sắc hài hòa, cấu trúc logic, hình ảnh sinh động.

Để sử dụng cẩm nang đạt hiệu quả tốt nhất, SV cần đọc cẩm nang và thực hành phần rèn luyện theo hướng dẫn trong cẩm nang kết hợp với việc tham gia các khóa học về kỹ năng xã hội. Đồng thời, cẩm nang có thể góp phần vào tài liệu tham khảo để hỗ trợ giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Ansell, D., Morse, J., Nollan, K. A., & Hoskins, R. (2004). *Life skills guidebook*. Seattle, WA: Casey Family Programs.
- Becky, L., & Spivey, M., Eds. (2006). *What Is the Writing Process? Super Duper Handy Handouts*. No.112, 1-2.
- Bui, Q. T., & Ha, H. N. (2022). *Kinh tế Việt Nam năm 2021 và triển vọng năm 2022 [Vietnam's economy in 2021 and prospects in 2022]*. Hanoi: National Economics University Publishing House. Retrieved from [https://www.researchgate.net/profile/Ha-Dang-21/publication/351838456\\_1File\\_Ky\\_yeu\\_KINH\\_TE\\_VN\\_2020-2021/links/60acb3f945851522bc157553/1File-Ky-yeu-KINH-TE-VN-2020-2021.pdf](https://www.researchgate.net/profile/Ha-Dang-21/publication/351838456_1File_Ky_yeu_KINH_TE_VN_2020-2021/links/60acb3f945851522bc157553/1File-Ky-yeu-KINH-TE-VN-2020-2021.pdf)
- Caballo, V. E. (2002). *Manual de evaluación y entrenamiento de las habilidades sociales*. Madrid: Siglo XXI.
- Dang, T. H., & Tran, T. T. O. (2014). Bản chất và đặc điểm của kĩ năng xã hội [Nature and characteristics of social skills]. *Journal of Educational Science*, 100(1), 9-10, 38; 101(2), 17-19, 37.
- Gresham, F. M. (1998). Social skills training: Should we raze, remodel, or rebuild?. *Behavioral Disorders*, 24(1). 19-25.
- Ha, T. L. H. (2018). *Đề xuất một số năng lực sư phạm 4.0 của sinh viên Đại học Sư phạm [Proposing some 4.0 pedagogical competencies of Pedagogical University students]*. Pedagogical Research Institute. Hanoi: Hanoi Pedagogical University.
- Huyen Linh (2014). *Từ điển tiếng Việt thông dụng [Common Vietnamese dictionary]*. Hanoi: Times Publishing House.
- Huynh, L. A. C. (2014). Các biểu hiện kĩ năng sống của học sinh tiểu học [Manifestations of life skills for primary school students]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 54(2014).
- Huynh, M. N. H. (2011). *Nghiên cứu thực trạng kĩ năng xã hội của học sinh trung học cơ sở thành phố Trà Vinh [Research on the status of social skills of junior high school students in Tra Vinh city]*. Master thesis. Hanoi Pedagogical University. Retrieved from [tvugate.tvu.edu.vn](http://tvugate.tvu.edu.vn).
- Huynh, V. S. (2012). *Phát triển kĩ năng mềm [Soft skills development]*. Hanoi: Education Publishing House. p.17-20.
- Kathlyn M. Steedly, Ph.D. Amanda, Michael Levin, & Stephen D. Luke (2008). *Evidence of education*. Volume II, issue 2.
- Kinnaman & Bellack (2012). *Social skills*. In W. T. O'Donohue & J. E. Fisher (Eds.). *Cognitive behavior therapy: Core principles for practice*. p.251-272.
- MacLeod, C. (2016). *The Social Skills Guidebook: Manage Shyness, Improve Your Conversations, and Make Friends, Without Giving Up who You are*. Chris MacLeod.
- Malhotra, N. K., & Birks, D. (2007). *Marketing Research. in Essex*. European Edition (Essex, United Kingdom: An Applied Approach).
- Nguyen, D. T. (2021). *Hội thảo Cơ hội và thách thức trong thời kỳ Covid-19 Góc nhìn từ giảng dạy và thực tiễn [Workshop Opportunities and challenges in the time of Covid-19 A perspective from teaching and practice]*. Retrieved from <https://www.researchgate.net/>

- Nguyen, T. N., Nguyen, H. L., & Bui, D. Q. (2021). Ki nang chuyen doi - Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho giáo dục phổ thông Việt Nam [Transformational skills - International experience and recommendations for Vietnamese general education]. *Vietnam Educational Science Magazine*.
- Pachauri, D., & Yadav, A. (2014). Importance of Soft Skills in Teacher Education Programme. *International Journal of Educational Research and Technology*, 5(1). 22-25.
- Phung, K. C., & Ngo, V. T. C. (2010). Nghiên cứu xây dựng mô hình phân loại rác tại nguồn trong trường học tại thành phố Đà Nẵng [Research on building a model of waste separation at source in schools in Danang city]. *Journal of Science and Technology, University of Danang*, 5(40).
- Ritter, B. A., Small, E. E., Mortimer, J. W., & Doll, J. L. (2017). Designing Management Curriculum for Workplace Readiness: Developing Students' Soft Skills. *Journal of Management Education*.1-24.
- Sklad, M., Diekstra, R., Ritter, M. D., Ben, J., & Gravestijn, C. (2012). Effectiveness of school-based universal social, emotional, and behavioral programs: Do they enhance students' development in the area of skill, behavior, and adjustment?. *Psychology in the Schools*, 49(9). 892-909.
- Tran, Q. T. (2020). *Tác động của đại dịch Covid-19 và những vấn đề phát triển đặt ra* [Impact of the Covid-19 pandemic and development issues]. Retrieved from <https://www.researchgate.net/>

---

**THE DEMAND TO USE THE SOCIAL SKILLS HANDBOOK  
BY STUDENTS OF HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION**

*Nguyen Thi Ngoc Cam\**, *Nguyen Anh Tuan*, *Trinh Thi Nhung*,

*Pham Le Ngoc Tran*, *Nguyen Thi Truc Quynh*

*Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*

*\*Corresponding author: Nguyen Thi Ngoc Cam – Email: camntn@hcmue.edu.vn*

*Received: August 11, 2022; Revised: October 13, 2022; Accepted: January 16, 2023*

**ABSTRACT**

*Social skills are essential for students in the learning process and in life. Currently, many forms and resources support students in practicing social skills, such as videos, brochures, handbooks, etc. This study explores the current situation of students' need to use social skills' handbook. Simultaneously, three skill groups were chosen to guide students to practice in this study: social awareness, social behaviour and communication, and social adaptation. This article employs a quantitative research method, surveying 406 students. The results show: The importance of social skills in all areas of activity, students' interest in the three groups of social skills, and students' expectations regarding the form and structure of the handbook.*

**Keywords:** handbook; social skills; students